Vũ Thị Thu
Cúc
Giờ ký:
2017.07.14
16:26:53
+07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1990/QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 14 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả khoanh định vùng cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ văn bản số 883/TTg-CN ngày 20/06/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt kết quả khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 600/TTr-STNMT ngày 07/7/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên với các nội dung sau:

1. Kết quả khoanh định 2.231 khu vực cấm hoạt động khoáng sản với tổng diện tích 74.610,15 ha; không có khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, chi tiết theo bảng sau:

STT	Đối tượng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Tổng số vị trí, tuyến, khu vực	Tổng diện tích (ha)
I	**Đối tượng cấm hoạt động khoáng sản**	**2.231**	**74.610,15**
1	Đất di tích lịch sử văn hóa - lịch sử, danh lam thắng cảnh	362	2.567,06
1a	*Di tích lịch sử văn hóa - lịch sử*	*361*	*859,06*
1b	*Khu du lịch sinh thái*	*1*	*1.708,00*
2	Đất quốc phòng, an ninh	95	5.997,64
2a	*Đất quốc phòng*	*71*	*4.101,89*
2b	*Đất an ninh*	*24*	*1.895,75*
3	Khu vực cơ sở tôn giáo, thờ tự, tín ngưỡng khác	1.063	268,00
4	Hành lang bảo vệ giao thông đê điều, cấp thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc	711	65.777,45

4a	*Bảo vệ đê, kè, bờ sông, cống qua đê*	*40*	*8.886,14*
4b	*Bảo vệ các công trình thủy lợi*	*83*	*1.324,80*
4c	*Bảo vệ các công trình giao thông đường bộ*	*151*	*10.882,50*
4d	*Bảo vệ các công trình giao thông đường sắt*	*1*	*93,29*
4đ	*Bảo vệ các tuyến giao thông đường thủy nội địa*	*7*	*442,97*
4e	*Bảo vệ các công trình điện*	*54*	*217,32*
4f	*Bảo vệ các công trình viễn thông*	*38*	*2.143,62*
4g	*Bảo vệ các công trình xăng dầu, khí*	*333*	*457,03*
4h	*Bảo vệ các công trình khai thác nước mặt*	*4*	*16,78*
4i	*Bảo vệ các khu công nghiệp, khu đô thị, khu xử lý chất thải và các công trình khác*		*41.313,00*
II	**Đối tượng tạm thời cấm hoạt động khoáng sản**	**0**	**0,00**
	Tổng cộng	**2.231**	**74.610,15**

2. Tài liệu hồ sơ kèm theo gồm có;

- Báo cáo kết quả điều tra, xác định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Phụ lục báo cáo kết quả điều tra, xác định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Bản đồ hiện trạng phân bố các điểm mỏ khoáng sản đã được điều tra trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tỷ lệ 1:50.000;

- Bản đồ vùng cấm, tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tỷ lệ 1:50.000;

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm công bố và tổ chức quản lý chặt chẽ các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TNMT, NN&PTNT, XD, CT,GTVT, KHĐT,VHTT&DL, Công an, BTLQKIII;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TNMT..

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Quang